

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2025/DS-ST
Ngày 25-6-2025
“Về việc tranh chấp tiền hụi”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lua

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Hữu Hiệp
Ông Đào Quốc Kiểng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Yến Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Bích Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 337/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp tiền hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Hùng T, sinh năm 1958.

Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1969 (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Đẹp: ông Nguyễn Hùng T, sinh năm 1958 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 5, xã Khánh H, huyện U M, tỉnh Cà Mau.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho của ông Nguyễn Hùng T:** Ông Nguyễn Trung K – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung Tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Cà Mau (xin vắng mặt).

*** Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1981 và bà Lê Thị H, sinh năm 1984 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp 8, xã Khánh T, huyện U M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của bà Đẹp, nguyên đơn ông Nguyễn Hùng T trình bày:**

Vợ chồng bà Lê Thị H và ông Huỳnh Văn L có mở một sổ dây hụi, vợ chồng ông có tham gia chơi hụi do bà H, ông L làm chủ nhưng đến khi mãn hụi thì ông L,

bà H không giao đủ tiền hui cho vợ chồng ông, cụ thể như sau: Dây hui mở ngày 06/3/2021 âm lịch, loại hui 2.000.000 đồng/tháng, tổng số 20 chung, vợ chồng ông tham gia 01 chung, trong danh sách hui ghi là “Chú 5 Thẻ”. Vợ chồng ông đã đóng hui cho bà H, ông L đến khi mãn hui là tháng 10/2022 nhưng ông L, bà H giao tiền hui không đủ và còn nợ vợ chồng ông số tiền 10.000.000 đồng. Ông có đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông L, bà H cố tình hứa hẹn không trả nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L bà H có trách nhiệm trả cho vợ chồng ông số tiền hui là 10.000.000 đồng. Sau khi ông nộp đơn khởi kiện tại Tòa án thì ông L, bà H có gửi trả cho ông được 500.000 đồng hiện nay còn thiếu lại vợ chồng ông số tiền 9.500.000 đồng, ông yêu cầu ông L, bà H trả cho vợ chồng ông số tiền này. Giữa ông với bà H, bà D và bà Th không có thoả thuận việc ai sẽ trả tiền cho vợ chồng ông thay cho bà H, khi mới ra giáp mặt thì giữa bà Th với bà D xảy ra cự cãi đánh nhau, bà Hoà bỏ về nên không có thoả thuận được.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên toà, bị đơn bà Lê Thị H trình bày:*

Bà có mở dây hui vào ngày 06/3/2021, loại hui 2.000.000 đồng, vợ chồng ông Nguyễn Hùng T có tham gia chơi của bà 01 chung, tính đến khi mãn hui thì bà còn nợ ông T, bà Đẹp số tiền 10.000.000 đồng, do ông T thiếu bà 500.000 đồng nên trừ qua bà còn nợ lại 9.500.000 đồng, sau đó trừ cần qua phần tiền nợ của bà D, bà Th do bà Th nợ bà số tiền 7.000.000 đồng, bà D thì nợ bà Th số tiền 14.000.000 đồng nên giáp mặt với nhau thoả thuận là bà Th không trả cho bà số tiền 7.000.000 đồng mà trừ vào số tiền bà D nợ bà Th, bà D sẽ trả cho bà Th 7.000.000 đồng còn số tiền 7.000.000 đồng bà D sẽ lãnh trả cho ông T thay cho bà, do giữa bà D và ông T có quen biết nhau. Nên bà chỉ còn nợ lại ông T số tiền 2.500.000 đồng, bà đồng ý trả cho ông T số tiền này. Việc trừ cần tiền với nhau không có làm thành văn bản mà chỉ giáp mặt với nhau để thoả thuận, ông T, bà D bà Th và bà đều thống nhất với nhau.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên bị đơn ông Huỳnh Văn L trình bày:*

Ông thừa nhận vợ chồng ông có thiếu tiền hui của ông T, bà Đẹp nhưng chỉ có nợ 9.500.000 đồng. Trong khi đó, bà Th có nợ ông số tiền 7.000.000 đồng, hứa mỗi tháng trả 500.000 đồng. Bà D thì thiếu tiền bà Th, bà D có quen biết với ông T nên lúc đó vợ ông là bà Lê Thị H có ra giáp mặt với ông T, bà D, bà Th thoả thuận với nhau là số tiền bà Th thiếu vợ chồng ông sẽ trừ qua cho ông T. Do bà D thiếu bà Th nên bà D sẽ có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 7.000.000 đồng mà vợ chồng ông nợ. Ông chỉ còn nợ ông T số tiền 2.500.000 đồng và ông đồng ý trả cho vợ chồng ông T số tiền này. Nếu ông T không đồng ý đối trừ sang bà D thì vợ chồng ông đã không đồng ý đối trừ số tiền bà Th nợ mà sẽ lấy tiền từ bà Th nợ để trả cho ông T. Trong khi bà D còn thiếu tiền vợ chồng ông mấy năm nay không trả.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Trung K có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định pháp luật chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Huỳnh Văn L, bà Lê Thị H trả cho ông Nguyễn Hùng T, bà Trần Thị Đ số tiền hui là 9.500.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh phát biểu:

Về thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của họ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 468; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị định 19 của chính phủ về hội họ biểu phường chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng T, bà Trần Thị Đ. Buộc ông Huỳnh Văn L, bà Lê Thị H trả cho ông T, bà Đ số tiền hội còn nợ là 9.500.000 đồng; Về án phí: Áp dụng Điều 12, 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thương vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí: đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng và quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Hùng T, bà Trần Thị Đ khởi kiện yêu cầu ông Huỳnh Văn L, bà Lê Thị H trả tiền hội nên quan hệ tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp tiền hội*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp ông Nguyễn Trung K xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt theo quy định.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Ông Nguyễn Hùng T, bà Trần Thị Đ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Huỳnh Văn L, bà Lê Thị H trả cho ông, bà số tiền hội là 9.500.000 đồng. Xét thấy việc ông T, bà Đ có tham gia chơi hội của ông L, bà H là có thật thể hiện tại giấy giao kèo ngày 06/03/2021 âm lịch và đã được ông L, bà H thừa nhận. Ông T xác định hiện nay ông L, bà H còn nợ ông số tiền 9.500.000 đồng. Ông L, bà H thì xác định chỉ còn nợ 2.500.000 đồng do đã thỏa thuận bà Dương Thị Diễm sẽ là người trả cho ông T, bà Đ số tiền 7.000.000 đồng thay vợ chồng ông, bà. Hội đồng xét xử thấy rằng việc thỏa thuận chuyển giao nghĩa vụ trả nợ như bà H, ông L trình bày không được ông T thừa nhận, ông L, bà H cũng không có chứng cứ gì để chứng minh cho lời trình bày của mình là có cơ sở. Mặt khác, tại biên bản xác minh ngày 17/6/2025 bà Nguyễn Thị Thủy xác định có việc thỏa thuận là số tiền bà nợ bà H sẽ trừ qua số tiền bà D nợ bà 7.000.000 đồng, còn lại 7.000.000 đồng thì bà D trả tiền mặt trực tiếp cho bà thì bà với bà D, bà H không còn nợ gì nhau hết. Còn việc đối trừ với ông T như thế nào thì bà không rõ. Bà Dương Thị Diễm cũng xác định các bên chỉ trừ căn phần tiền bà thiếu bà Th và bà Th thiếu bà H. Bà với bà H, bà Th và ông T không có giáp mặt với nhau để đối trừ nợ, số nợ bà H nợ ông T là bà không biết.

Xét lời trình bày của bà D, bà Th là phù hợp với lời trình bày của ông T nên có căn cứ chấp nhận. Bà H và ông L cho rằng có thỏa thuận việc chuyển giao nghĩa vụ trả nợ sang cho bà D nhưng không cung cấp được chứng cứ gì chứng minh và việc thỏa thuận này không được ông T thừa nhận nên lời trình bày của bà H, ông L là không có căn cứ chấp nhận. Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử có cơ

sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng T và bà Trần Thị Đ, buộc ông Huỳnh Văn L, bà Lê Thị H có trách nhiệm trả cho ông T, bà Đẹp số tiền hui là 9.500.000 đồng.

Ông L, bà Hoà cho rằng nếu không có sự việc đòi trừ nghĩa vụ trả tiền sang bà D thì bà đã không đồng ý đòi trừ với bà Th mà vợ chồng ông sẽ lấy số tiền bà Th nợ ông bà để trả cho vợ chồng ông T. Hội đồng xét xử thấy rằng sự việc thiếu tiền giữa ông L, bà Hoà với bà D không liên quan trong vụ án này nếu các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[3]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Huỳnh Văn L và bà Lê Thị H cùng liên đới phải chịu 5% trên số tiền được Toà án chấp nhận là 475.000 đồng.

Ông Nguyễn Hùng T, bà Lê Thị H không phải chịu án phí, đã dự nộp được nhận lại.

[4]. Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T là phù hợp nên được chấp nhận.

[5]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 468; Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về hui, họ, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng T, bà Trần Thị Đ về việc yêu cầu ông Huỳnh Văn L, bà Lê Thị H trả tiền hui.

Buộc ông Huỳnh Văn L, bà Lê Thị H cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Hùng T, bà Trần Thị Đ số tiền hui là 9.500.000 (Chín triệu năm trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, nếu chậm thi hành án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch ông Huỳnh Văn L, bà Lê Thị H cùng liên đới phải chịu 475.000 (Bốn trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng, chưa nộp.

Bà Trần Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Đẹp đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

Tòa án số 0006899 ngày 26 tháng 12 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lụa